

Bản án số: 121/2019/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG – TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoài Bảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn A, sinh năm 1988, tại tỉnh V

Nơi cư trú: số nhà M1, Khóm M2, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T đã chết và bà Nguyễn Thị H đã chết; anh chị em ruột: có 10 người; bị cáo có vợ tên Châu Thị Hồng V (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: 01 tiền án, ngày 15/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, tiền sự: không có; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú và đang bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Dư Tuấn K, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp P1, xã P2, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Anh P, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà N, Khóm B1, Phường B2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp T1, xã T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ ngày 20/9/2019, Nguyễn Văn A điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 64H3-...XXX đến dãy nhà trọ E7, đường Đ, phường T, thành phố V tìm vợ tên Châu Thị Hồng V nhưng không gặp. Sau đó, A nhìn thấy đối diện dãy nhà trọ có một kho để vật tư xây dựng được rào bằng lưới B40 bên trong có 01 máy khoan hiệu LACELA màu xám đen, 01 máy cắt sắt hiệu KEN màu xám đỏ, là tài sản của anh Dư Tuấn K, không có người trông coi nên A nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Ngay lập tức, A dừng xe ở khu nhà trọ, nhặt một cây kềm ở dưới đất cạnh hàng rào, cắt lưới B40 thành một đường thẳng từ trên xuống khoảng 30cm - 40cm. Khi cắt lưới B40, A nhìn thấy có một camera an ninh của khu nhà trọ. Lo sợ camera ghi được hình ảnh lấy trộm nên A lấy một cái áo đang phơi gần đó ném lên camera che lại. Sau khi cắt xong hàng rào lưới B40, A vứt bỏ cây kềm, dùng tay lấy 01 máy khoan hiệu LACELA màu xám đen, 01 máy cắt sắt hiệu KEN màu xám đỏ ra khỏi khu vực kho, cho tất cả vào một bao nylon nhặt ở phía ngoài đường. A điều khiển xe mô tô chạy về nhà tại số M1, Khóm M2, Phường B, thành phố V cất giấu tài sản đã lấy trộm. Khoảng 08 giờ cùng ngày, A bán anh Nguyễn Thế V toàn bộ tài sản lấy trộm với giá 1.000.000đ, bán tại nhà A.

Sau khi bị mất trộm tài sản, anh Dư Tuấn K đến Công an phường T, thành phố V trình báo sự việc. Qua trích xuất camera, rà soát đối tượng nghi vấn, Công an phường T đã mời Nguyễn Văn A về trụ sở làm việc. Quá trình lấy lời khai, A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Công an phường T đã tiến hành thu hồi toàn bộ tài sản mà A đã lấy trộm. Tiến hành xác minh nhân thân, Công an phường T xác định A đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 15/11/2018, đến ngày 24/5/2019 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Vì vậy, Công an phường T, thành phố V chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V để điều tra theo thẩm quyền.

Suốt quá trình điều tra, A đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên. Đối với anh Nguyễn Thế V khi mua tài sản do A bán không biết đây là tài sản do A phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với V.

Tại Kết luận định giá tài sản số 83/HĐĐG&TTHS ngày 26/9/2019, Hội đồng định giá tài sản và tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: 01 máy khoan hiệu LACELA màu xám đen, 01 máy cắt sắt hiệu KEN màu xám đỏ có tổng giá trị 1.607.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại anh Dư Tuấn K toàn bộ tài sản mà A đã lấy trộm như nêu trên.

Vật chứng thu giữ là 01 nón bảo hiểm màu xanh. Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 64H3-...XXX, kết quả điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Anh P cho A mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Anh P không biết A sử dụng xe để làm phương tiện trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trả lại xe anh P.

Trách nhiệm dân sự: Anh Dư Tuấn K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Anh Nguyễn Thế V yêu cầu A bồi thường số tiền 1.000.000đ là số tiền mà anh V bị thiệt hại do mua tài sản từ A.

Tại Cáo trạng số 134/CT-VKS-TPVL ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Văn A. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 01 năm – 01 năm 06 tháng tù. Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo A trả anh V số tiền 1.000.000đ; tịch thu, tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng. Buộc bị cáo A nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo A không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Á đã khai hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Á phạm “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đang ở tuổi lao động lại không chí thú tìm việc làm đúng đắn để có nguồn thu nhập chân chính, đã không tu dưỡng, rèn luyện bản thân, vì lòng tham, lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Dư Tuấn K 01 máy khoan hiệu LACELA màu xám đen, 01 máy cắt sắt hiệu KEN màu xám đỏ. Giá trị tài sản bị trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo thuộc trường hợp đã bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản” thể hiện tại Bản án số 41/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/5/2019, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, nên bị cáo Á phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Vì vậy, với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Bị cáo Á không nghề nghiệp, không tài sản nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Anh Dư Tuấn K đã được Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 máy khoan hiệu LACELA màu xám đen, 01 máy cắt sắt hiệu KEN màu xám đỏ, không còn yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Anh Nguyễn Thế V yêu cầu bị cáo Á bồi thường số tiền 1.000.000đ là số tiền mà anh V đã thiệt hại do mua tài sản từ Á. Xét thấy, anh V mua từ bị cáo Á 01 máy khoan, 01 máy cắt sắt, đã không biết tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có. Vì vậy, yêu cầu này của anh V được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo Á trả anh V số tiền 1.000.000đ.

[5] Xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số kiểm soát 64H3-...XXX là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Anh P cho Á mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Anh P không biết Á sử dụng xe để làm phương tiện trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho anh P là phù hợp. Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh, bị cáo không yêu cầu nhận lại, là vật không giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Á nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn Á.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Á phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Á 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn Á được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Á trả anh Nguyễn Thế V số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng:

Các vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/11/2019 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được xử lý như sau: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Á nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo Nguyễn Văn Á. Vắng mặt bị hại Dư Tuấn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Anh P, Nguyễn Thế V. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Công an cùng cấp: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND phường B, TPVL (để biết): 1;
- Bị cáo: 1;
- Bị hại: 1;
- Đương sự khác: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(Đã ký)***Nguyễn Thị Thu Vân**